

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thu

Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021; Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/2021/TB-TA ngày 02 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1988; trú tại: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Tiên D, sinh năm 1986; trú tại: Tổ dân phố B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Mỹ N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ N và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn ngày 18/10/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên (số 44/2021 quyền 1/2021).

Vợ chồng chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 do công việc nên ông D về nhà cha mẹ ruột ở Cam Đức, Cam Lâm sống. Trong thời gian đó ông D có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và vợ chồng đã sống ly thân từ

năm 2017. Trong thời gian qua vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông D có 01 con chung là Đinh Ngọc Pha L, sinh ngày 30/9/2012, con chung hiện đang ở với bà N, sau khi ly hôn bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà N có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Nguyên, ngày 18/10/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2011, quyển 1/2011 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Vợ chồng chung sống với nhau do bất đồng quan điểm nên thường xuyên kình cãi. Từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà N và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Bà N và ông D có 01 con chung là Đinh Ngọc Pha L, sinh ngày 30/9/2012. Con chung hiện đang sống với bà N; bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; con chung đã đủ 7 tuổi có nguyện vọng được sống với bà N. Vì vậy giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu nên không xét.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn ông D.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Đinh Ngọc Pha L, sinh ngày 30/9/2012 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà N, ông D được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001839 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà Ngọc đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phi